

Bản án số: 851/2023/HC-PT
Ngày 21 - 9 - 2023
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;
Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;
Bà Nguyễn Thị Cúc.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 360/2023/TLPT-HC ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1902/2022/HC-ST ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2398/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Hữu P, sinh năm 1979. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: A V, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Lô G - 02 đường số F Khu T, Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1963. (*Có mặt*)

Địa chỉ thường trú: 416/6/17F đường L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Lô G - 02 đường số F Khu T, Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 006345 lập ngày 05/7/2022 tại Văn phòng C1, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: C T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. *(Vắng mặt)*

(Theo Giấy ủy quyền số 2580/GUQ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Bà Phan Thị Bảo C – Phó Trưởng phòng Quản lý Đô thị huyện B. *(Vắng mặt)*

- Bà Trương Hồng V – Chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện B. *(Vắng mặt)*

- Ông Nguyễn Hữu Thành T2 – Chuyên viên phòng Quản lý Đô thị huyện B. *(Có mặt)*

Người kháng cáo: Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, tại phiên tòa hôm nay người khởi kiện ông Lê Hữu P có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Ngày 14/8/2007, Khu công nghiệp L (Bên A) và Cơ sở T4 (Bên B) ký kết Hợp đồng thuê lại đất khu tiểu thủ công nghiệp số 23/HĐ-TLĐ/TTCN với nội dung: Bên A cho Bên B thuê Lô đất G2 tại Khu T, Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; diện tích 570m².

Tại điểm a mục 4.2 Điều 4 Hợp đồng quy định nghĩa vụ của Bên B: “Xây dựng các công trình trên khu đất thuê lại phù hợp với quy định về quản lý xây dựng cơ bản của nhà nước, quy định về xây dựng trong Khu tiểu thủ công nghiệp (tỷ lệ xây dựng 70%) và phải phù hợp với Giấy đăng ký kinh doanh được cơ quan có thẩm quyền cấp.”

Sau khi ký Hợp đồng, cơ sở Tân Tiến T3 có lập thủ tục xin phép xây dựng trên phần đất thuê nhưng không được Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt. Theo hướng dẫn của trưởng bộ phận kinh doanh Khu công nghiệp L, cơ sở T4 đã xây dựng nhà xưởng tại Lô G (xây dựng toàn bộ diện tích thuê) và sử dụng từ năm 2007 cho đến nay.

Hết hạn hợp đồng, ngày 14/11/2016 Công ty Cổ phần Đ (Bên A) và Hộ kinh doanh T5 (đại diện: ông Lê Hữu P) (Bên B) ký kết Hợp đồng thuê đất trong khu tiểu thủ công nghiệp số 275/2016/HĐTKTTCB/BCCI với nội dung: Bên A đồng ý cho thuê Bên B thuê quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại Lô G, đường F, khu T, Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích: 1.146,8m².

Tại mục 6.1 Điều 6 Hợp đồng quy định: “Bên B có quyền xây dựng công trình, nhà xưởng, văn phòng và các công trình khác trên đất thuê của Bên A. Việc xây dựng Công trình nêu trên phải đảm bảo phù hợp với Giấy phép hoạt động của Bên B đã được cấp và phù hợp với các quy định về quy hoạch và xây dựng tại thửa đất, dự án đã được phê duyệt.”

Ngày 10/02/2017, ông Lê Hữu P đăng ký xây dựng, sửa chữa, cải tạo công trình tại địa chỉ G, Đường F, Khu T, Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung sửa chữa với diện tích 850.3m². Ngày 24/02/2017, Ủy ban nhân dân xã T có Thông báo số 207/TB-UBND gửi Ban giám đốc Khu công nghiệp Lê Minh X với nội dung thuận đơn đăng ký sửa chữa của ông Lê Hữu P tại Lô đất G, Đường F, Ấp A, xã T với diện tích 850.3m².

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, Đội Thanh tra địa bàn huyện B - Thanh tra Sở Xây dựng lập các Biên bản vi phạm hành chính số 0000393/BB-VPHC và 0000394/BB-VPHC về hoạt động xây dựng đối với ông Lê Hữu P về hành vi: Xây dựng vi phạm chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng theo Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tiểu thủ công nghiệp Lê Minh X tại xã T, huyện B.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 798/QĐ-KPHQ và 799/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với công trình vi phạm của ông Lê Hữu P về hành vi nêu trên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 63/QĐ-CCXP và Quyết định số 65/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả đối với công trình vi phạm xây dựng của ông Lê Hữu P.

Ông P khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính gồm: Quyết định số 798/QĐ-KPHQ và 799/QĐ-KPHQ cùng ngày 17/12/2020; Quyết định số 63/QĐ-CCXP và Quyết định số 65/QĐ-CCXP cùng ngày 02/02/2021.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B có ý kiến trình bày tại Công văn số 2424/UBND ngày 12/7/2022 của Chủ tịch ủy ban nhân dân Huyện B như sau:

Vị trí khu đất vi phạm trật tự xây dựng của ông Lê Hữu P tại các thửa 377, thửa 378 tờ bản đồ số 15 – BĐĐC, xã T, huyện B đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT60031 và CT60032 ngày 07/02/2017; mục đích sử dụng là đất cụm công nghiệp (Khu tiểu thủ công nghiệp Lê Minh X); đã cập nhật thay đổi trên T (Lô G, đường số F, Khu T, xã T, huyện B).

Hợp đồng thuê đất trong Khu tiểu thủ công nghiệp Lê Minh X số 275/2016/HĐTKTTCN/BCCI của Công ty Cổ phần Đ và Lê Hữu P (hộ kinh doanh T5) .

Về trình tự ban hành và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả:

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-TT-HCTH ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Thanh tra Sở Xây dựng về việc giao nhiệm vụ của Đội Thanh tra địa bàn quận, huyện thuộc Thanh tra Sở Xây dựng. Ngày 14 tháng 12 năm 2020, Đội Thanh tra địa bàn huyện B – Thanh tra Sở Xây dựng lập các Biên bản vi phạm hành chính số 0000393/BB-VPHC và 0000394/BB-VPHC về hoạt động xây dựng đối với ông Lê Hữu P về hành vi: Xây dựng vi phạm chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng theo Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân

dân thành phố H về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tiểu thủ công nghiệp Lê Minh X tại xã T, huyện B.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 798/QĐ-KPHQ và 799/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với công trình vi phạm của ông Lê Hữu P về hành vi nêu trên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 63/QĐ-CCXP và Quyết định số 65/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện khắc phục hậu quả đối với công trình vi phạm xây dựng của ông Lê Hữu P.

Việc lập Biên bản xử lý vi phạm hành chính đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng của ông Lê Hữu P tại lô đất G01 và G02 Khu tiểu thủ công nghiệp Lê Minh X của Đội Thanh tra địa bàn huyện B - Thanh tra Sở Xây dựng được thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành các Quyết định số 798/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2020, Quyết định số 799/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2020, Quyết định số 63/QĐ-CCXP ngày 02/02/2021, Quyết định số 65/QĐ-CCXP ngày 02/02/2021 là đúng theo quy định pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành cho các bên đối thoại với nhau, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và người bị kiện vẫn giữ nguyên các quyết định hành chính bị khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1902/2022/HC-ST ngày 21 tháng 10 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 và Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu P đối với các nội dung:

- Hủy Quyết định số 798/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B;

- Hủy Quyết định số 799/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B;

- Hủy Quyết định số 63/QĐ-CCXP ngày 02/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B;

- Hủy Quyết định số 65/QĐ-CCXP ngày 02/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/5/2023, người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Quốc T không xuất trình thêm chứng cứ mới, chỉ trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xác định việc xây dựng công trình là đúng theo quy chế và đã thực hiện từ năm 2007 theo quy định của Ban Quản lý khu tiểu thủ công nghiệp Lê Minh X với diện tích xây dựng 1.146,3m² và giữ nguyên hiện trạng đến khi xin sửa chữa lại. Công trình xây dựng từ trước và khi sửa chữa đều phù hợp với quy hoạch nên cần được cho tồn tại. Đối với quá trình lập biên bản và xử phạt đối với ông P đã có sự nhầm lẫn về vị trí của công trình xây dựng sai phạm trong giấy mời dự buổi kiểm tra hiện trạng nên Biên bản ghi nhận vi phạm không phải tại vị trí có Công trình do ông P xây dựng là xử phạt sai đối tượng. Do vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định đã ban hành để không làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của ông P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Nguyễn Hữu Thành T2 đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm do đã xét xử đúng pháp luật.

Tranh luận về ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ông T2 cho rằng địa chỉ ghi trong thư mời làm việc về vi phạm của ông P không chính xác là có sai sót nhưng Biên bản ghi nhận vi phạm được lập tại vị trí công trình xây dựng sai phạm của ông P và đã được ghi nhận đúng hiện trạng. Ông P tuy không trực tiếp có mặt khi Đoàn kiểm tra làm việc nhưng sau đó vẫn có ý kiến xin giãn thời gian khắc phục do sát ngày Tết nên ảnh hưởng hoạt động của cơ sở kinh doanh. Như vậy, cơ quan chức năng đã kiểm tra và lập biên bản đúng thực tế vi phạm, không có sự nhầm lẫn như ông T trình bày, thủ tục lập hồ sơ và ban hành các quyết định xử phạt đều đã được thực hiện đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ và tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hữu P cho rằng các Quyết định xử phạt là sai chủ thể, sai vị trí công trình vi phạm: xét các Biên bản làm việc về vi phạm của công trình xây dựng tuy không có chữ ký của người vi phạm nhưng có sự hiện diện của chính quyền địa phương và người dân chứng kiến cũng đã ký vào biên bản cùng lực lượng chức năng, bản thân ông P cũng có ý kiến cụ thể về việc xin thời hạn để khắc phục vi phạm, nên quá trình tiến hành các bước lập hồ sơ để xử lý vi phạm của người khởi kiện là đúng thực tế, đúng trình tự thủ tục theo quy định. Các quyết định bị khởi kiện đã được ban hành là hợp pháp và có căn cứ. Án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện là có cơ sở. Người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tố tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Kháng cáo của ông P cùng người đại diện theo ủy quyền là trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính do đã thực hiện triệu tập hợp lệ.

[2] Về nội dung:

Ông Lê Hữu P khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định khắc phục hậu quả số 798/QĐ-KPHQ và số 799/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B cùng quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 63/QĐ-CCXP và số 65/QĐ-CCXP ngày 02/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Xét quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ, tổ chức công khai chứng cứ và hòa giải, đối thoại giữa người khởi kiện và bị kiện, căn cứ vào tài liệu được thu thập trong hồ sơ và tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy:

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính bị kiện: Theo các Biên bản vi phạm hành chính số 0000393/BB-VPHC, số 0000394/BB-VPHC về hoạt động xây dựng do Đội Thanh tra địa bàn huyện B – Thanh tra Sở Xây dựng lập ngày 14/12/2020 tại địa điểm công trình vi phạm thuộc thửa 377, 378 tờ bản đồ số 15-BĐĐC Khu T, Ấp A, xã T, huyện B xác định ông Lê Hữu P đã có hành vi vi phạm hành chính: xây dựng công trình trên đất không được phép xây dựng quy định tại điểm a khoản 7 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ. Hành vi vi phạm trật tự xây dựng xảy ra và chấm dứt vào thời điểm năm 2017 là đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, để xử lý vi phạm này, theo quy định tại khoản 8 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính cùng khoản 4 Điều 77 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật...; và căn cứ điểm d khoản 2 Điều 38 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính Phủ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có quyền ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Trong trường hợp này Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đã ký ban hành Quyết định số 798/QĐ-KPHQ và số 799/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2020 buộc chủ

sở hữu công trình vi phạm là ông Lê Hữu P phải khắc phục hậu quả là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

Đối với các quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 63/QĐ-CCXP và số 65/QĐ-CCXP ngày 02/02/2021 được ban hành do ông P không tự nguyện chấp hành các quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành các văn bản trên là đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 28, Điều 86 và 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Về nội dung các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Quyết định 798/QĐ-KPHQ và số 799/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B buộc ông P khắc phục hậu quả là buộc tháo dỡ công trình xây dựng, cụ thể: xây dựng vi phạm chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng theo Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của Ủy Ban nhân dân Thành phố H về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu T tại xã T, huyện B. Diện tích vi phạm 280,4m² và 287,7m². Kết cấu cột sắt, vách gạch, mái tole.

Quyết định được ban hành do quá trình sử dụng đất của ông Lê Hữu P – đại diện cho Hộ kinh doanh T5 là cơ sở ký kết hợp đồng thuê lại đất Khu T tại xã T, huyện B vào ngày 14/8/2007 và ông P có lập thủ tục xin phép xây dựng trên phần đất thuê 570m² nhưng không được Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt. Theo hướng dẫn của trưởng bộ phận kinh doanh Khu công nghiệp L, cơ sở T4 đã xây dựng nhà xưởng tại Lô G (xây dựng toàn bộ diện tích thuê) và sử dụng từ năm 2007.

Khi hết hạn hợp đồng, ngày 14/11/2016 Công ty Cổ phần Đ và hộ kinh doanh T5 ký hợp đồng thuê đất với diện tích 1.146,8m² tại Lô G, đường F, Khu T. Tại mục 6.1 Điều 6 của hợp đồng quy định: “Bên B có quyền xây dựng công trình, nhà xưởng, văn phòng và các công trình khác trên đất thuê của bên A. Việc xây dựng Công trình nêu trên phải đảm bảo phù hợp với Giấy phép hoạt động của bên B đã được cấp và phù hợp với các quy định về quy hoạch và xây dựng tại thửa đất, dự án đã được phê duyệt”.

Vào ngày 10/02/2017, ông P đăng ký xây dựng, sửa chữa, cải tạo công trình tại địa chỉ đã thuê với nội dung sửa chữa trên diện tích 850,3m² và nhận được Thông báo số 207/TB-UBND của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B ngày 24/02/2017 về việc chấp thuận đơn đăng ký sửa chữa của Tân Tiến T3.

Đến khi Đội Thanh tra địa bàn huyện B – Sở Xây dựng Thành phố H kết hợp cùng Ủy ban nhân dân xã T, huyện B thực hiện chức năng thanh kiểm tra về xây dựng thì phát hiện khu đất thuộc Cơ sở T4 sử dụng có hiện trạng công trình xây dựng vi phạm chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng theo Quyết định số 843/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Tiểu thủ công nghiệp Lê Minh X tại xã T, huyện B với tổng diện tích vi phạm là 567m², kết cấu cột sắt, mái tole xi măng, vách gạch; thời điểm vi phạm năm 2017, tại Lô G - 02, đường F, Khu T.

Tại Biên bản làm việc số 0003180/BBLV ngày 27/11/2020 của Thanh tra Sở Xây dựng Thành phố H đã ghi nhận ý kiến của H kinh doanh: “xin cho thời gian để tôi tự khắc phục vi phạm đến tháng 8/2021 lý do doanh nghiệp chúng tôi mới phục hồi sản xuất do ảnh hưởng của dịch covid và tết Nguyên đán sắp đến. Do đó mong quý cơ quan tạo điều kiện cho chúng tôi duy trì sản xuất đến thời gian nêu trên, sau đó tôi sẽ tháo dỡ công trình theo quy định”.

Ngày 14/12/2020, Đội Thanh tra địa bàn huyện B – Sở Xây dựng Thành phố H kiểm tra tại lô đất của Tân Tiến T3 đã lập các Biên bản vi phạm hành chính số 0000393/BB-VPHC, 0000394/BB-VPHC với ông Lê Hữu P về hành vi xây dựng công trình trên đất không được phép xây dựng (vi phạm chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng. Diện tích vi phạm tại các thửa 377 và 378 là 287,7m² và 280,4m²). Đây là hành vi vi phạm tại điểm a khoản 7 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính Phủ.

Do hành vi vi phạm trật tự xây dựng xảy ra và chấm dứt vào thời điểm năm 2017 đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành các Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Như vậy, căn cứ thực tế để ban hành các quyết định 798/QĐ-KPHQ và số 799/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đã được xác thực, kết quả thanh tra về khiếu nại của ông P cũng phản ánh đúng thực tế vi phạm. Các căn cứ pháp lý được viện dẫn trong quyết định nêu trên là có cơ sở. Nội dung quyết định đã thể hiện đầy đủ, có căn cứ và hợp pháp.

Đối với Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 63/QĐ-CCXP và 65/QĐ-CCXP ngày 02/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B: sau khi ông P được tổng đạt hợp lệ các Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả nhưng không tự nguyện thi hành thì Ủy ban nhân dân huyện B ban hành các quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, tháo dỡ phần công trình trên đất không được phép xây dựng là đúng theo quy định của Điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-UBND ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Đây là quyết định hành chính hợp pháp và có căn cứ.

Án sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là đúng pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của ông Lê Hữu P được làm trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ. Tuy nhiên, về nội dung kháng cáo như phân tích trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý đơn khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là đúng quy định pháp luật. Các lý do kháng cáo nêu trong đơn và ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông P nêu tại phiên tòa là không có căn cứ, người kháng cáo cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới so với quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm nên không có cơ sở để chấp nhận. Theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hữu P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ:

- Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 và Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu P đối với các nội dung:

- Hủy Quyết định số 798/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B;

- Hủy Quyết định số 799/QĐ-KPHQ ngày 17/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B;

- Hủy Quyết định số 63/QĐ-CCXP ngày 02/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B;

- Hủy Quyết định số 65/QĐ-CCXP ngày 02/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Hữu P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001503 ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- ĐS (4);
- Lưu VP(3), HS(2).16b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ